TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy.

Bà Nguyễn Thị Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bà Nguyễn Lê Anh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 569/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Đình B, sinh năm: 1983 "Vắng mặt".

- *Bị đơn*: Chị Mai Thị Hồng T, sinh năm: 1984 "Vắng mặt".

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và qua những lần làm việc, nguyên đơn anh Phạm Đình B *trình bày:* Anh và vợ anh là chị Mai Thị Hồng Thủy c sống với nhau vào năm 2007, trước đó có tìm hiểu khoảng 01 năm, hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 01-12-2008. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ anh cho đến khi ly thân.

Vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 16-6-2008 và cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 25-02-2016, đều là con trai.

Vợ chồng chung sống có tài sản chung là 01 xe tải chở vật liệu xây dựng, vợ chồng mua vào cuối năm 2020 với giá 200.000.000 đồng, anh không yêu cầu giải quyết, vợ chồng anh đã tự thỏa thuận giải quyết xong (anh giao cho vợ anh 75.000.000 đồng và được quyền sở hữu xe tải).

Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ anh có mâu thuẫn với cha mẹ anh (hiện mẹ anh đã chết, chỉ còn cha). Từ mâu thuẫn với cha mẹ anh dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, vợ anh nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, về kiếm chuyện gây gỗ và tra khảo anh. Vợ anh đi nói với nhiều là anh không chung thủy, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và công việc của anh. Anh không thể chấp nhận được.

Vì con cái anh đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Cho đến hiện tại thì tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với vợ anh là chị Mai Thị Hồng T.

Về con chung: Anh đồng ý giao cả 02 con cho vợ anh nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng, 02 cháu 6.000.000 đồng/tháng, cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động được. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là vào tháng 01-2023.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị* Mai Thị Hồng T *trình bày*: Chồng chị trình bày phần lớn là đúng, chỉ có phần mẫu thuẫn là chưa chính xác. Chị thừa nhận khi sống chung với cha mẹ chồng giữa chị và cha mẹ chồng có mâu thuẫn. Nhưng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, cha chồng chị có nói là ông không để bụng. Ngoài ra, do chồng chị ngoại tình nên mới kiếm chuyện ly hôn với chị, chị không có chứng cứ chứng minh nhưng nghe những người làm cùng với chồng chị nói cho chị biết.

Tại biên bản hòa giải ngày 15-11-2022. Chị cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn nên nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng chị được đoàn tụ.

Tại biên bản hòa giải ngày 26-12-2022, chị đồng ý ly hôn (sau khi vợ chồng thỏa thuận chia tài sản và anh B giao cho chị số tiền 75.000.000 đồng cùng ngày 26-12-2022).

Ngày 29-12-2022, chị có văn bản thay đổi ý kiến và không đồng ý ly hôn, với lý do chị còn thương chồng, chị không muốn các con sống thiếu tình cảm của cha. Cha chồng, mẹ chị và con trai lớn khuyên chị không nên ly hôn.

Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho chồng chị ly hôn với chị thì về con chung chị thống nhất theo lời trình bày của chồng chị

V tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết xong như lời anh B trình bày là đúng, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Đình B đối với chị Mai Thị Hồng T. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh chị về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Đình B và bị đơn chị Mai Thị Hồng T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh B và chị Thủy c sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 01-12-2008, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh B có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị T với cha mẹ chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài và giải quyết được. Ngoài ra, chị T còn cho rằng còn cho rằng anh B không chung thủy dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị có tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2022 đến nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại chị T đã chuyển trường cho các con, chị cùng các con về nhà cha mẹ ruột chị ở xã T, thị xã H sinh sống. Qua lời trình bày của anh chị, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống nhất giao chị Mai Thị Hồng T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung gồm cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 16-6-2008 và cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 25-02-2016. Anh Phạm Đình B có nghĩa vụ cấp dưỡng con mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng, 02 cháu 6.000.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là vào tháng 01-2023. Sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của các con (là muốn được tiếp tục sống cùng mẹ) và phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các khoản 5 và 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Đình B đối với chị Mai Thị Hồng T. Anh B được ly hôn với chị T.

2/. Về con chung:

Giao chị Mai Thị Hồng T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung gồm cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 16-6-2008 và cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 25-02-2016. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng con mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng, 02 cháu 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động được. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng vào tháng 01-2023.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Anh Phạm Đình B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng 600.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024846 ngày 28-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh B còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Quỳnh